TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/DS-PT
Ngày: 04/6/2021
V/v "Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Ông Phạm Thị Hồng Hà.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2020/DS-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2021/QĐ-PT, ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị **H**, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Anh **B**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị **T**, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **D** – Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

3. <u>Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan</u>:

3.1. Ông **S**, sinh năm 1927 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Chị **Y**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20, đường C, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Chị **Th**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1563, Tỉnh lộ M, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Cháu **N**, sinh ngày 28/02/2008 (vắng mặt)

Người giám hộ: Chị **T**, sinh năm 1980 (mẹ ruột cháu N)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. <u>Người kháng cáo</u>: Bị đơn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị H và anh B trình bày:

Ngày 07/5/2019, chị H và anh B được cụ ông S (cụ Sinh là cha ruột chị H và là ông nội của anh B) tặng cho thửa đất 28, diện tích 4.082,6m^2 và thửa đất 26, diện tích 387,7m^2 tờ bản đồ số 5, tại Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện do anh B và chị H đồng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất.

Khi tặng cho 02 thửa đất trên thì trên đất đã có cây trồng và căn nhà cấp 4. Chị T là vợ ông P (ông P là con ruột cụ S và là cha ruột anh B). Khoảng năm 2008, cụ S cho ông P ở nhờ cho đến khi cụ S làm thủ tục tặng cho QSD đất thì anh B và chị H tiếp tục cho chị T, ông P ở nhờ trong căn nhà cấp 4 và các bên thỏa thuận khi nào ông P chết hoặc do nhu cầu sử dụng đất thì bên ở nhờ phải trả lại nhà đất. Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ cây trồng do ông P, chị T thụ hưởng từ khi ở cho đến nay. Khi ông P chết thì anh B, chị H có gặp chị T và nhiều lần yêu cầu chị T trả lại đất cùng tài sản gắn liền trên đất nhưng chị T không đồng ý trả, có những lời lẽ thách thức nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản là công trình xây dựng trên đất gồm: 01 căn nhà chính xây dựng năm 1975 có kết cấu móng khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền lát gạch men, mái tôn, có trần, kích thước ngang 6,2m, dài 10,7m = 66,34m^2; Nhà phụ liền kề xây dựng năm 1975 có kết cấu móng khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền lát gạch men, mái tôn, không trần, kích thước ngang 6,2m, dài 3,5m = 21,7m^2; Mái nhà tôn có kích thước 66,34m^2 + 21,7m^2 = 88,04m^2; Sân + Lối đi láng xi măng kích thước (6,2m x 4,5m) + 26m x 1,7m) = 72,1m^2; Lối đi lót gạch tàu + đal xi măng kích thước (18,4m x 1,8m) + 12,1m x 1m) = 45,22m^2.

Tài sản là cây trồng trên đất gồm: 60 cây dừa dưới 01 năm tuổi; 43 cây dừa nhóm C; 02 cây mận nhóm C; 02 cây dầu thơm đường kính 20cm; 12 cây xoài nhóm B; 02 cây nhãn nhóm A; 05 cây mít nhóm A; 01 cây chôm chôm (cây giống); 28 cây tre; 02 cây vú sữa nhóm B; 09 cây mai vàng; 01 cây sầu riêng nhóm B; 04 cây sầu

riêng nhóm A; 10 cây ổi nhỏ; 01 cây ổi lớn nhóm B; 420 cây chuối; 280 cây Chuối dưới 1m; 01 cây măng cụt nhóm A.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả lại cho nguyên đơn phần tại thửa 28, diện tích 4.082,6m^2 và thửa 26, diện tích 387,7m^2 cùng với tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là giao cho bị đơn tiếp tục sử dụng phần đất thuộc tách thửa 28-1, diện tích 1.284,2m^2 và căn nhà cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để làm nơi ở và thờ cúng tổ tiên. Đồng thời, bị đơn yêu cầu nguyên đơn hoàn lại cho bị đơn giá trị số tài sản và các khoản chi phí đầu tư trên thửa đất 26 và 28-2 như: Sửa hầm cầu và kéo dây điện 10.000.000đ; gắn cửa nhôm 1.600.000đ; sơn nhà 02 thùng 1.000.000đ; kéo nước sinh hoạt 1.800.000đ; cửa cổng 5.500.000đ; đường vào nhà 2.000.000đ; cây trồng trên 01 thửa đất 28-2 và 26 với số tiền tổng cộng là 108.321.400đ. Phía nguyên đơn chỉ đồng ý hỗ trợ cho bị đơn tiền kéo nước sinh hoạt 1.800.000đ, sửa hầm cầu 6.000.000đ, chi phí trồng 60 cây dừa dưới 01 năm tuổi 10.080.000đ, tiền sửa mái nhà 10.529.584đ, gắn cửa nhôm là 1.600.000đ. Tổng cộng 30.009.500đ, nếu Tòa án xử giao trả đất lại cho nguyên đơn mà bị đơn đang sử dụng.

Mặt khác, ông P chết ngày 24/6/2019. Ông P có 04 người con gồm: N, B, Y, Th, vợ ông P là chị T. Ngoài ra không còn hàng thừa kế nào khác.

- Theo đơn yêu cầu phản tố của bị đơn chị T trình bày:

Năm 2007, chị T và ông P (ông P là con ruột của cụ S) sống chung như vợ chồng vào năm 2007 và sau đó có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Do có mối quan hệ huyết thống nên vợ chồng chị về sinh sống tại 02 thửa đất 28, diện tích 4.082,6m^2 và thửa 26, diện tích 387,7m^2 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do cụ ông S đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất. Cụ S có hứa cho chị T, ông P 01 nền nhà làm chỗ ở, nhưng sau đó cụ S làm thủ tục tặng cho phần đất này cho anh B và chị H.

Từ năm 2007 đến nay, chị T có tạo lập được tài sản như sau: Sửa chữa lại căn nhà cấp 4 và mái nhà khoảng 40.000.000đ; sửa hầm cầu khoảng 6.000.000đ; làm đường dây điện và vô nước khoảng 4.000.000đ; gắn cửa nhôm, kiếng 1.600.000đ.

Tài sản là cây trồng trên đất gồm: 60 cây dừa dưới 01 năm tuổi; 43 cây dừa nhóm C; 02 cây mận nhóm C; 02 cây dầu thơm đường kính 20cm; 12 cây xoài nhóm B; 02 cây nhãn nhóm A; 05 cây mít nhóm A; 01 cây chôm chôm (cây giống); 28 cây tre; 02 cây vú sữa nhóm B; 09 cây mai vàng; 01 cây sầu riêng nhóm B; 04 cây sầu riêng nhóm A; 10 cây ổi nhỏ; 01 cây ổi lớn nhóm B; 420 cây chuối; 280 cây chuối dưới 1m; 01 cây măng cụt nhóm A.

Chị T đồng ý trả lại cho nguyên đơn thửa đất 26 và thửa đất 28-2 và yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường cho chị T giá trị cây trồng, vật kiến trúc trên đất với số tiền tổng cộng là 108.321.400đ.

Qua Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 19/02/2020, thì chị T không đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá đối với phần mái nhà, còn lại tài sản khác thì chị T thống nhất. Việc trồng cây, sửa chữa nhà nhằm mục đích để chị T ở và sinh sống nên chị không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Đối với đất thì chị thống nhất với Trích đo ngày 15/4/2020.

Chị T yêu cầu anh B và chị H giao cho chị tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thuộc tách thửa 28-1, diện tích 1.284,2m^2 và căn nhà cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để làm nơi ở và thờ cúng tổ tiên, vì chị không có chỗ ở nào khác.

Mặt khác, ông P chết ngày 24/6/2019. Ông P có 04 người con gồm: Ng, B, Y, Th. Trước khi ông P mất thì ông P bị bệnh không đi lại được khoảng 02 năm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ ông S trình bày*:

Cụ S là cha ruột của ông P, nếu ông P được bồi thường về tài sản trong vụ án này thì cụ S yêu cầu được chia một phần theo quy định của pháp luật. Cụ S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Y và chị Th trình bày*:

Chị Th, chị Y là con ruột của ông P. Nếu ông P được bồi thường về tài sản trong vụ án này thì chị Th và chị Y yêu cầu được chia một phần theo quy định của pháp luật. Chị Th và chị Y có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Chị T đại diện của cháu Ng trình bày*:

Chị T là mẹ ruột cháu Ng, cha ruột của cháu Ng là ông P. Khi ông P chết thì cháu Ng là một trong những người thừa kế tài sản của ông P. Trong vụ án này thì toàn bộ công sức đóng góp trên phần đất và cây trồng trên đất của anh B và chị H là của chị T, nên đối với yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chị T không đồng ý.

Ngoài ra, các đương sự thống nhất với Trích đo ngày 15/4/2020, kết quả định giá theo biên bản định giá ngày 19/02/2020 và thống nhất giá trị của các tài sản khác do bị đơn trình bày.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H và anh B.

Buộc chị T trả lại cho chị H và anh B QSD đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc 02 thửa đất: Thửa số 26, tờ bản đồ số 5, diện tích 387,7m^2 gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 và Thửa số 28, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.082,6m^2 gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 do chị H và anh B đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất. (Có trích đo hiện trạng kèm theo).

Anh B và chị H có nghĩa vụ hỗ trợ cho chị T số tiền sửa chữa mái nhà là 10.529.584đ; tiền trồng 60 cây dừa 10.080.000đ; tiền kéo nước sinh hoạt là

1.800.000đ; sửa hầm cầu là 6.000.000đ; chi phí gắn cửa nhôm là 1.600.000đ. Tổng cộng là 30.009.500đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị T về việc yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thuộc tách thửa 28-1, diện tích 1.284,2m^2 gồm các mốc: 1, 2, 7, 8, 9, 1 do anh B và chị H đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất và yêu cầu anh B, chị H bồi thường cây trồng và vật kiến trúc với số tiền 78.311.900đ.

+ Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S, chị Y, chị Th yêu cầu chia giá trị tài sản nếu được bồi hoàn trong vụ án này của ông P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu phí sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản; quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/11/2020, bị đơn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng giao cho bị đơn được tiếp tục sử dụng phần đất và căn nhà gắn liền trên đất có phần sân nhà và lối đi ra đường công cộng thuộc chiết thửa 28-1 có diện tích khoảng 200m^2 trong đó gồm: Nhà chính + nhà phụ với diện tích 88,04m^2; Sân + lối đi láng xi măng với diện tích 72,1m^2; lối đi lót gạch tàu + đal xi măng chung quanh nhà khoảng 40m^2 đất. Buộc nguyên đơn bồi hoàn toàn bộ cây trồng trên đất thuộc thửa 26, 28 với số tiền tổng cộng là 108.321.400đ, vì án sơ thẩm chỉ chấp nhận bồi hoàn số tiền 30.009.500đ.

Ngày 01/3/2021, bị đơn T có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ là tiến hành khảo sát đo đạc, định giá tài sản theo đơn kháng cáo đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích khoảng 200m^2 thuộc chiết thửa 28-1, tọa lạc tại Khóm 2, đường V, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

+ Nguyên đơn chị H và bị đơn chị T thỏa thuận cụ thể như sau: Bị đơn chị T có trách nhiệm giao trả lại cho nguyên đơn chị H và anh B QSD đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại 02 thửa đất số 26 và 28 (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất). Chị H có trách nhiệm hỗ trợ cho chị T chi phí di dời với số tiền là 100.000.000đ. Chị T được quyền lưu cư cho đến hết ngày 01/8/2021 sẽ giao trả lại đất và toàn bộ tài sản trên đất cho chị H và anh B quản lý sử dụng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm. Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tại cấp phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm thì nguyên và bị đơn mỗi bên tự nguyện chịu 50%.

+ *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các sự tại phiên tòa phúc thẩm.

+ *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Vĩnh Long*:

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và chị H tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau: Chị T có trách nhiệm giao trả lại cho chị H và anh B QSD đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại 02 thửa đất số 26 và 28 (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất). Chị H có trách nhiệm hỗ trợ cho chị T chi phí di dời với số tiền là 100.000.000đ. Chị T được quyền lưu cư cho đến hết ngày 01/8/2021 sẽ giao trả lại đất và toàn bộ tài sản trên đất cho chị H và anh B quản lý sử dụng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tại cấp sơ thẩm. Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tại cấp phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm thì nguyên và bị đơn mỗi bên tự nguyện chịu 50%. Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị H và bị đơn chị T thỏa thuận cụ thể như sau:

Chị T có trách nhiệm giao trả lại cho chị H và anh B QSD đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại 02 thửa đất số 26 và 28 (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất). Chị H có trách nhiệm hỗ trợ cho chị T chi phí di dời với số tiền là 100.000.000đ. Chị T được quyền lưu cư cho đến hết ngày 01/8/2021 sẽ giao trả lại đất và toàn bộ tài sản trên đất cho chị H và anh B quản lý sử dụng.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc,

định giá tài sản tại cấp sơ thẩm. Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tại cấp phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm thì nguyên và bị đơn mỗi bên tự nguyện chịu 50%.

Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, theo như quan điểm của Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Riêng các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2020/DS-ST, ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 148, 157, 165, 244, 289, 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 496, 499 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn chị H và bị đơn chị T, cụ thể như sau:

1.1. Bị đơn T có trách nhiệm giao trả lại cho nguyên đơn chị H và anh B quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại 02 thửa đất: Thửa 26, diện tích 387,7m^2, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 và Thửa số (28-1 + 28-2), diện tích 4.082,6m^2, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị và trồng cây lâu năm, gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1.

Các thửa đất tọa lạc tại Khóm 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T).

1.2. Chị H có trách nhiệm hỗ trợ cho chị T chi phí di dời với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Chị T được quyền lưu cư cho đến hết ngày

01/8/2021 sẽ giao trả lại đất tại các thửa đất nêu trên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho chị H và anh B quản lý sử dụng.

1.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

Chị H và anh B chịu số tiền chi phí là 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và đã nộp xong. Chị T chịu số tiền chi phí là 6.228.000đ (sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) và đã nộp xong.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị H và anh B chịu 2.507.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 18.079.000đ theo biên lai thu số 0007311, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên hoàn trả lại cho chị H và anh B số tiền là 15.571.500đ (mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm đồng).

- Chị T chịu 2.507.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 6.987.500đ theo biên lai thu số 0002908, ngày 17/6/2020 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên hoàn trả lại cho chị T số tiền 4.480.000đ (bốn triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông S, chị Y, chị Th mỗi người số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0002988, 0002989, 0002990 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho chị T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6587 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa